



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE:

IV#: 528 448

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN CHANH TON
Last Middle First

Current Address: 170 B VO THI SAU, Quận 3 HỒ CHÍ MINH

Date of Birth: 9/10/37 Place of Birth: CAN THO

Previous Occupation (before 1975) Trung tá phòng Huấn Luyện Sư Đoàn 2
(Rank & Position) Không Quân

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 15/6/75 To 20/5/85
Years: 10 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN CHANH HAO
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

Yen VO Henderson

sister in law

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 10 / 11 / 89

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN CHANH TON
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
VO THI NGOC LIEN	5/15/45	WIFE
NGUYEN TAM ANH	8/22/72	SON
NGUYEN TRUONG CHINH	9/3/73	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN CHANH TON
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : 9 10 37
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): M Female (Nu):

MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 170B VO THI SAU QUAN BA
 (Dia chi tai Viet-Nam) THANH PHO HO CHI MINH

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) yes No (Khong)
 If Yes (Neu co): From (Tu): 15/06/75 To (Den): 20/5/85

PLACE OF RE-EDUCATION: HAM TAN
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Trung tá phòng Huấn Luyện Sư Đoàn 2 Không Quân

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): LOUISIANA
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): TRUNG TA
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Huấn Luyện Sư Đoàn 2 Không Quân Date (Nam): 71-75

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
 IV Number (So ho so): 528448
 No (Khong):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti.

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 170B VO THI SAU
QUAN BA - HO CHI MINH VILLE

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):
NGUYEN CHANH HAO

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): yes No (Khong):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Brother

NAME & SIGNATURE: Yew Vo Hendrickson

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: 9 11th 89
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN CHANH TON
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
VO THI NGOC LIEN	5/15/45	WIFE
NGUYEN TAM ANH	8/22/72	SON
NGUYEN TRUONG CHINH	9/3/73	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

NGUYEN CHANH TON

IV 528448

BỘ NỘI VỤ
Trại Hầm tàn
Số GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban
hành theo công văn số
243 ngày 27 tháng 11
năm 1972

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 145 ngày 20 tháng 05 năm 85

của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh NGUYỄN CHÁNH TON

Sinh năm 19 37

Các tên gọi khác

Nơi sinh

Cần thơ

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 170 Võ thị sáu - Quan 3 - T/P HCM

Cán tội Trung tá trưởng phòng huấn luyện sĩ đoàn 2 không qu

Bị bắt ngày 15/06/75 Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 170 Võ thị sáu - quan 3 - T/P Hồ chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng : Tỏ ra an tâm cải tạo tin tưởng vào đường lối giáo dục của cách mạng .

Lao động : Tham gia đủ ngày công , chất lượng lao động trung Bình .

Nội quy : Chấp hành nghiêm không sai phạm gì lớn .

Học tập : Tham gia đều , nhận thức bài còn chậm .

Quản chế 12 Tháng .

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: Nơi cư trú

Trước ngày tháng năm 19 85

Lưu trữ

Của

Danh bạ số

Lập tại

Họ tên chữ ký
Người được cấp giấy

Ngày 15 tháng 6 năm 19 85

Chức vụ

Nguyễn Chánh - Con THIỆU TÁ : NGUYỄN ANH QUANG

CAPTAIN NGUYEN C. TON 9964VS

has successfully completed the

SPECIAL OPERATIONS COURSE (A-37-B), Pilot, COURSE 111504 V, 19 JAN 70 - 13 MAY 70
4532 COMBAT CREW TRAINING SQUADRON, ENGLAND AFB, LOUISIANA

CAPTAIN NGUYEN CHANH TON 9964VS

has successfully completed the

AIRCRAFT FAMILIARIZATION (A-37) CRS 405F1115Z (PDS CODE F61) (48 HOURS)
SHEPPARD TECHNICAL TRAINING CENTER, 3095 FTD, ENGLAND AFB, LOUISIANA

CAPT TON, NGUYEN C. 9964 VS

has successfully completed the

SPECIAL OPERATIONS FORCE TRAINING COURSE, A-37 (111504V)

CAPTAIN NGUYEN CHANH TON

has successfully completed the

CCTS/A-37 TRAINING FROM 2 January 1970 to 9 May 1970

CHỖ NÀY DÀNH RIÊNG ĐỂ MUA VẬT PHẨM

Nhà in 2 LAM-THU, 15 Quốc lộ 1, Nha Trang

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

THỊ - XÃ NHATRANG

TỜ KHAI GIA-ĐÌNH

Nhà số 01 Gi. số Nguyễn Văn Bình
 Đường Đường 1
 Khóm Khóm 1
 Phường Phường 1
 Quận Quận 1
 Họ và tên gia-trưởng NGUYỄN-CHÁNH-TÂN
 Trung-Tá PHẠM BÌNH
 Không Đoàn Chi
 Không Đoàn Chi
 (đánh cho tờ khai của gia-đình ở đây)
 Chủ nhà

KIỂM - THỊ
KHOM - TRƯỞNG

KIỂM - NHẬN
PHƯỜNG - TRƯỞNG



Ở dành riêng để đóng dấu phân biệt tờ khai của chủ nhà hay của người ở đây.

BỊ CHỮ : — Gia-trưởng có trách-nhiệm khai báo đề cho tờ khai gia-đình lúc nào cũng phù-hợp với hiện-tình nhân-số trong gia-đình.
 — Những người không chịu khai báo hay khai không thành-thật (không kê việc khai gian trá có thể truy tố theo Hình-Luật). Sẽ bị phạt vi-căn, Chiếu Điều 9 Nghị-Định số 353-BNV/HC/NĐ ngày 30-6-1958 của Bộ Nội-Vu vì không tuân-lệnh của Nhà-chức trách hành-chánh, mà theo Điều 491 của bộ Hình-Luật mới ban hành, thì người nào vi-phạm Sắc-lệnh và Nghị-định hợp pháp của chức quyền Hành-Chánh hay chức-quyền Bộ-Tỉnh-Thị, sẽ bị phạt tù từ 401\$00 đến 600\$00 và theo Điều 492 kế tiếp thì, ngoài hình phạt tù, cáo phạm còn có thể, tùy trường hợp, bị phạt giam từ 1 ngày đến 10 ngày nữa.

ST thứ tự	HỌ VÀ TÊN (Gia Trưởng ghi trước)	Quốc tịch	Ngày, tháng, năm và nơi sinh	Nghề-Nghiep	Số, Ngày và nơi Cấp Thẻ Căn Cước	Liên Hệ với Gia-Trưởng	Cước Chủ
01	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	1937 - Cần Thơ	Quản nhân	09.22.1509, 10.05.1971 Cần Thơ	Gia trưởng	
02	Võ Văn Ngọc - Em	VN	15.05.1945 - Cần Thơ	Nhà thầu	006.4024, 25.12.1969 Cần Thơ	Em	
03	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	22.03.1972 - Cần Thơ	Quản nhân	10.09.1509, ngày 21.12.1972 Cần Thơ	Em	
04	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	02.07.1973 - Cần Thơ	Kiểm soát	05.24.612, ngày 07.07.73 CT	Em	
05	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	04.08.1950 - Cần Thơ	giúp việc	05.24.612, 23.04.1969 Cần Thơ	Em	
06	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	13.01.1961 - Cần Thơ	học sinh	05.24.612, 18/01, ngày 20.1.61 BMT	Em	
07	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	26.09.1967 - Cần Thơ	học sinh	05.24.612, 25/09, ngày 22.9.67 BMT	Em	
08	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	10.3.1962 Cần Thơ	học sinh	05/30 (10.3.62) Cần Thơ	Em	
09	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	10.3.1962 Cần Thơ	học sinh	05/30 (10.3.62) Cần Thơ	Em	
10	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	10.3.1962 Cần Thơ	học sinh	05/30 (10.3.62) Cần Thơ	Em	
11	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	10.3.1962 Cần Thơ	học sinh	05/30 (10.3.62) Cần Thơ	Em	
12	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	10.3.1962 Cần Thơ	học sinh	05/30 (10.3.62) Cần Thơ	Em	
13	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	10.3.1962 Cần Thơ	học sinh	05/30 (10.3.62) Cần Thơ	Em	
14	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	10.3.1962 Cần Thơ	học sinh	05/30 (10.3.62) Cần Thơ	Em	
15	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	10.3.1962 Cần Thơ	học sinh	05/30 (10.3.62) Cần Thơ	Em	
16	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	10.3.1962 Cần Thơ	học sinh	05/30 (10.3.62) Cần Thơ	Em	
17	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	10.3.1962 Cần Thơ	học sinh	05/30 (10.3.62) Cần Thơ	Em	
18	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	10.3.1962 Cần Thơ	học sinh	05/30 (10.3.62) Cần Thơ	Em	
19	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	10.3.1962 Cần Thơ	học sinh	05/30 (10.3.62) Cần Thơ	Em	
20	Nguyễn Văn Hùng - Em	VN	10.3.1962 Cần Thơ	học sinh	05/30 (10.3.62) Cần Thơ	Em	

Questionnaire For ODP Applicants.

A. Basic identification :

1. Name : NGUYỄN CHÁNH TÔN
2. Other name
3. Date and place of birth : September 10 - 1937 Tân An Cần Thơ
4. Residence address : 170 B. Võ Thị Sáu street - Phường 13 Quận 3
Ho Chi Minh city Việt Nam
5. Mailing address : 170 B. Võ Thị Sáu. str - P. 13 - Q. 3
6. Current occupation : Still in reeducation Camp.
Z 30 C. Đồi 2 K.C Hầm Tân - THUẬN HẢI.

B. Relatives to Accompany me :

1. Võ Thị Ngọc Liên - May 15. 1945 - Catecka Pleiku - Wife
2. Nguyễn Tâm Anh - August 22 1972 - Saigon - Son
3. Nguyễn Trường Chinh - September 3rd Nha Trang - Son.

C. Relatives outside Vietnam.

1 - Closest relatives in US.

- a. Name : NGUYỄN CHÁNH HẢO
- b. Relationship : blood brother
- c. Address.

2. Closest relatives in The other foreign countries

- a. Name : VÕ NGỌC HUÂN.
- b. Relationship : Wife's father
- c. address.

D. Complete Family listing.

1. Nguyễn Văn Thanh ^(Father) - 1910. 28/4 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Cần Thơ
2. Nguyễn Thị Chinh (mother) 1916. "
3. Nguyễn Kim Yên - 1939 Tân An Cần Thơ. (Blood sister)

E. Employment By US government agencies or other organisations of you or your spouse :

F. Service with GVN or RVNAF by you or your spouse -

1. Name of person serving : NGUYỄN CHÁNH TÔN
2. Date
3. Last rank : Lieutenant Colonel VNAF : APO - 3126
Serial number : 57/601093
4. Ministry (office) military unit : 2nd Army Corps.
5. Name of Supervisor : Lt. general NGUYỄN VĂN LUÔNG

6. Reason for leaving : reeducation
7. Name of American Advisor :
8. US Training courses in Viet Nam .
9. US Awards or certificates :

G. Reeducation of you or your spouse :

1. Name of person in reeducation : NGUYỄN CHÁNH TÔN
- 2 Total Time in reeducation : 9 years 6 months
- 3 Still in reeducation : camp 230C Đồi 2 K.C. Hầm Tân
THUẬN HẢI

H. Any additional remarks.

Would you please to put our name in The O.D.P
For leaving Viet Nam by Political reason as soon as
you can .

When

Võ Thị Ngọc Kiên .

Documents attached :

Copies :

- 4: Extract of birth certificates
- 1: Marriage Certificate
- 1: Training Certificate in USA
- 1: Family certificate (before 1975)
- 1: IV Number .
- Pictures : 4x6 .

Ho Chi Minh city october 22. 1984 .

To: 127 Panjablum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification data.

1. Name: NGUYEN CHANH TON sex: Male
2. Other Name
3. Date/ Place of birth: Sep. 22 1937 Cam. Tho
4. Residence address: 170B Vo Thi Sau. Q.3. Ho Chi Minh City
5. Mailing address: 170B Vo Thi Sau. Q.3. Ho Chi Minh City.
6. Current occupation

B. Relatives To accompany me.

	Name	Date of birth	Place of birth	sex	MS	Relationship
1	Võ Thi Ngọc Liên	May. 15. 1945	Pleiku	F.		Spouse
3	Nguyễn Tâm Anh	August. 22. 1972	Saigon	M	single	son
3	Nguyễn Trường Chinh	Sep. 3. 1973	Nhatrang	M	single	son

C. Relatives outside Vietnam

1. Closest Relative in the U.S. (of myself)

a. Name: 1. NGUYEN CHANH HAO

b. Relationship: Blood brother

c. Address:

d. Date of Relatives Arrival. 1975

2. NGUYEN CHANH TAM
blood brother

1978

2. Closest Relatives in the U.S. (of my Spouse)

a. Name: 1. YEN VO

b. Relationship: bloodsister

c. address:

d. Date of Relatives arrival: 1978

2. Võ Thi Ngọc Ánh
bloodsister

D. Complete Family listing (living, dead)

1. Father Nguyễn Văn Thạch (dead)
2. Mother Nguyễn Thị Chính (Living)
3. Spouse Võ Thi Ngọc Liên (Living)
4. Children
 1. Nguyễn Tâm Anh (Living)
 2. Nguyễn Trường Chinh (Living)
5. Siblings
 1. Nguyễn Kim Yên (Living)
 2. Nguyễn Chánh Tâm (Living)

E. Employment by US Government Agencies or other Organisation of you or your spouse.

F. Service with GVN or RVNAF by you or your spouse.

1. Name of person serving : Nguyễn Chánh Tôn
2. Date from : Nov. 15. 1958 To Apr. 30. 1975
3. Last rank : Lieutenant Colonel - Serial Number 57/601093
4. Ministry / Office / Military Unit. VNAF Second Air Division
5. Name of Supervisor / C.O : General Nguyễn Văn Lưỡng
6. Reason for separation :
7. Name of American Advisor.
8. US Training Courses in Vietnam
9. US Awards or Certificates.

G. Training Outside Vietnam of you or your spouse

1. Name of student / trainee : Nguyễn Chánh Tôn
2. School and School address . a. Lackland A.F.B Texas
b. England A.F.B Alexandria - Louisiana
- 3 Date a) from : Aug. 15. 1969 To : Dec. 30. 1969
b) from : Jan. 1. 1970 To : Apr. 30 1970
- 4 Description of courses : a) Language Course
- 5 Who Paid for Training b) A. 37 Pilot Training Course
U.S. Government

H. Reeducation of you or your spouse

1. Name of Person in Reeducation : Nguyễn Chánh Tôn
2. Time in Reeducation from : Jun. 15. 1975 to Jun. 26. 1985

I. Any Additional Remarks.

Nguyễn Chánh Tôn 

J. Documents attached :

- Copies of Nguyễn Chánh Tôn's :
1. birth certificate
 2. Marriage certificate
 3. release certificate (from reeducation camp
 4. wife's birth certificate
 5. son's birth certificate
 6. training certificate.

BỘ TƯ- PHÁP

SỞ TƯ- PHÁP TRUNG- PHẦN
HÒA GIẢI QUẬN BAN MÊ THUẬT

Ngày 29 tháng 6 năm 1962

GIẤY THẺ VỊ KHAI-SANH

cho

VÕ-THỊ-NGỌC-LIÊN

Số: 5070/KS

Q

THẺ VỊ HỘ-TỊCH LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG QUẢN LÝ

HÒA GIẢI QUẬN BAN MÊ THUẬT

Một bản chính Giấy Thẻ Vị: Khai-sanh

do Võ-Ngọc-Huân xin cấp được

Ông Trung-ủy Trịnh-quang-NGỌC

Quận-Trưởng Quận BAN MÊ THUẬT kiêm Thẩm-Phán

Hòa-Giải lập ngày 29 tháng 6 năm 1962

và trước bạ

TRÍCH RA NHU SAU ĐÂY:

1. - Võ - Nghiênn 34 tuổi.

2. - Nguyễn-Thị-Nam 35 tuổi.

3. - Nguyễn-Lap 26 tuổi.

Nhưng nhân chứng này sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam và điều 363 và kế tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên thệ quả quyết và biết chắc rằng:

- **VÕ-THỊ-NGỌC-LIÊN** (NỮ) sinh ngày mười lăm, tháng năm, năm một ngàn chín trăm bốn mươi lăm (15.05.1945) tại CATNOKA tỉnh FLEIKU. Là con của Ông **Võ-NGỌC-HUÂN** (s) và Bà **Nguyễn-Thị-Tai** (s) hiện ngụ tại số 1 Thăng-Long BAN MÊ THUẬT.

Và duyên cớ mà Y không thể xuất-trình giấy khai-sanh được là vì bị thất-lạc ./-

Đề bỏ lúc hồ sơ

Trích Lục Y Bản Chính

15 tháng 10 năm 1971



V-DIẮC-NIÊ-BUỒN-RJT

Lệ phí

(1) Lập lại số, ngày, tháng, năm trên đây mỗi khi xin trích lục.

ĐO-THANH SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG HÒA

TÒA HÀNH-CHÁNH QUÂN I

HỘ TỊCH

Số hiệu: 3048

★

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH 6

Nam một ngàn chín trăm bảy mươi hai (1972)

Tên, họ đứa nhỏ	Nguyễn Tam Anh
Phái	Nam
Ngày sanh	Hai mươi hai tháng tám năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai, 16 giờ
Nơi sanh	Saigon, đường Grall
Tên họ người Cha	Nguyễn Chánh Tôn
Tuổi	35
Nghề nghiệp	Quân nhân
Nơi cư ngụ	K.B.C. 3126
Tên họ người Mẹ	Võ thị Ngọc Liên
Tuổi	27
Nhà nghề nghiệp	Nội trợ
Nơi cư ngụ	Saigon, 170B Hiền Vương
Vợ chồng hay thú	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 26 tháng 8 năm 1972

TRÍCH LỤC Y BỒI CHÁNH:

Saigon, ngày 20 tháng 9 năm 1972

QUẢN TRƯỞNG QUÂN I

Phó Quản Trưởng

1972

li

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

TỈNH

PHONG - DINH

BỒN SAO LỤC BỘ SANH TẠI XÃ

TÂN - AN

Năm 1937

Số hiệu 970

Luân Sơn

Tên họ đứa con nít	NGUYỄN-CHÁNH-TÔN
Nam hay nữ	Garcon
Sanh ngày nào	Le 10 Septembre 1937
Sanh tại đâu	Tân-An
Tên, họ cha	Nguyễn-văn-Thạch
Cha làm nghề gì	Employé de commerce
Nhà cửa ở đâu	Tân - An
Tên, họ mẹ	Nguyễn-thị-Chính
Mẹ làm nghề gì	Ménagère
Nhà cửa ở đâu	Tân - An
Vợ chánh hay vợ thứ	-----

Tại CÀNH THƠ ngày 13 Septembre năm 1937

NGƯỜI KHAI

HỘI-VIÊN HỘ-TỊCH

ký tên hoặc đóng dấu

Nguyễn-văn-Thạch

Ký tên : TRƯC NGƯỜI CHỨNG

1o Lý-Phụng

2o Lưu-Huân

TRÍCH LỤC Y BỘ ĐỜI

TÂN - AN ngày 26-1-1938

Ủy-Ban Hành-Chánh Xã

CHỦ-TỊCH KIỂM-UY-VIÊN HỘ-TỊCH

Chứng cho hợp pháp chữ ký ngang

Ủy-Ban H.C. xã Tân-An

PHONG-DINH ngày 1-1938

TRƯỞNG

ĐƯỢC

QUẬN : HANOI PHỐT
XA : L. C. GIAO
Số hộ : 19

CHỨNG - THƯ HÔN - THƯ

Tên họ người chồng : NGUYỄN-CHÁNH-TÔN
Nghề nghiệp : Quân-Nhân
Sinh ngày : 10 tháng 09 năm 1937
Tại : Tân-An (Cần-Thơ)
Cư sở tại : Sư-Đoàn 11 Không-Quân
Tạm trú tại : KSC. 3.126
Tên họ cha chồng : NGUYỄN-VĂN-THẠCH (sống)
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ chồng : NGUYỄN-THỊ-CHÍNH (sống)
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên họ người vợ : VÕ-THỊ-NGỌC-LIÊN
Nghề nghiệp : Học trò
Sinh ngày : 15 tháng 05 năm 1945
Tại : Cao-Mai (Pleiku)
Cư sở tại : 69 Lê-Thường-Kiệt, Xã-Lạc-Giao, Ban-Đôn
Tạm trú tại : 69 Lê-Thường-Kiệt, Xã-Lạc-Giao, Ban-Đôn
Tên, họ cha vợ : VÕ-NGỌC-HUÂN (sống)
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ vợ : NGUYỄN-THỊ-TÀI (sống)
(Sống chết phải ghi rõ)
— Ngày cưới : 11 tháng 01 năm 1972
— Vợ chồng khai cơ hay không lập hôn ước :
Ngày : / tháng / năm : /
Tại : Ban-Đôn

Trích y bản chính

L. C. GIAO, ngày 11 tháng 01 năm 1972

Viên chức IQ-tych.

VI - VIỆN HỒ-TIỀN



Nguyễn Văn Tấn

THE UNITED STATES DEPARTMENT OF STATE

WORKSHEET FOR FILE NUMBER TV 528448

OFF 13 = SIP
RUN DATE: 10/05/81
PAGE NO. 3410

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

Name: NGUYEN CHANH TON
Other names used:
Sex: M DOB: (mmddyy) 09/10/37 COB: VN
Address in Vietnam:
1208 VO THI SAU, Q.3
T.P. HO CHI MINH, VIET NAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

Name: NGUYEN CHANH GAO
COB: (mmddyy) 08/10/44 COB: VN
Address:
Telephone (Home): (Business)
Category: REF PRA USC

ACCOMPANYING RELATIVES

NAME	Sex	DOB	Rel.	COB	FALCON	BC	ECT	MC	Documentation	PHOTO	OTHER
	M/F	MM DD YY	PA		MM DD YY				MCT	GVN	
1. NGUYEN CHANH TON	M	09 10 37	PA	VN		X	X	X	X		
2. VO THI NGOC LIEN	F	05 15 45	WI	VN		X	X			X	
3. NGUYEN TAN ANH	M	08 22 72	SG	VN		X	X				
4. NGUYEN TRUONG CHINH	M	09 03 73	SG	VN		X	X				
5.											
6.											
7.											
8.											
9.											
10.											
11.											
12.											
13.											
14.											

PRINCIPAL ALIEN IN VIETNAM

SPONSOR IN THE UNITED STATES

Symbol: 11 Priority Date: 06/02/75 Rel-Sponsor to P: BR I-130 AOR AOS BC ECT MC MCT GVN PHOTO OTHER

VENL #1 SRV #1 JWL:

USG Enpl/Training (Cat 2):

Pvt US Enpl/Training (Cat 3-4C):

GVN/RVNAP SVC: US Combat A/D: Re-Ed Camp: to

CAT 1 PKT: 4/1/77 FLUP: -/-/- OTHER:

CAT 2/3 PKT: -/-/- FLUP: -/-/- OTHER:

Replst by: ON: -/-/- LOI Sent: -/-/- NOTIFIED OF EXIT PERMIT -/-/- PERMIT # FEEDBACK LIST

Other Actions: INTERNATIONAL RESCUE COMMITTEE

VOLAG NAME: 1801 West 17th Street
Santa Ana, CA 92705-2392

VOLAG ASSUR: Sought -/-/- Recd: -/-/- V # VAN # RECONF: Sought -/-/- Recd -/-/-

POSSIBLE CUPS: # # # # # # # # # #

REF IV #:

Số hiệu: 959

KHAI - SANH

TÊN HỌ ẤU-NHÌ	NGUYỄN-TRƯỜNG-CHINH
Phái	Nam
Sanh ngày ba, tháng chín, năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba (Ngày, tháng, năm) (3-9-1973) lúc 14g30	
Tại	Pháo Sanh Phước-Hải Nhatrang
Cha (Tên, họ)	Nguyễn-Chánh-Tôn
Tuổi	1937
Nghề-nghiep	Quân nhân
Cư-trú tại	Kbc 3126
Mẹ (Tên, họ)	Võ-thị-Ngọc-Liên
Tuổi	1945
Nghề-nghiep	Nội trợ
Cư-trú tại	Cư-Xã Nguyễn-Vĩnh-Ninh Nhatrang
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh
Người khai (Tên, họ)	Thân-Phi
Tuổi	1934
Nghề-nghiep	Bũ-Hộ-Sinh Quốc-Gia
Cư-trú tại	106 Phước-Hải Nhatrang
Ngày khai	07 /09/1973
Người chứng thứ nhất (Tên, họ)	Nguyễn-thị-Tại
Tuổi	1921
Nghề-nghiep	Nội trợ
Cư-trú tại	Cư-Xã Nguyễn-Vĩnh-Ninh Nhatrang
Người chứng thứ nhì (Tên, họ)	Thân-thị-Ngọc-Anh
Tuổi	1944
Nghề-nghiep	Nội trợ
Cư-trú tại	106 Phước-Hải Nhatrang

Làm tại Xã Phường Tân-Phước, ngày 07 tháng 9 năm 1973.

NGƯỜI KHAI,

HỘ TÀI,

NHÂN-CHỨNG,

1/ Nguyễn-thị-Tại

Thân-Phi

2/ Thân-thị-Ngọc-Anh



CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership: Letter

11/8789